

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NGHỆ THUẬT
THÔNG ĐIỆP

[Signature]

PGS.TS. Đào Đăng Phương

PGS.TS. Đào Đăng Phương

T	Hoc kỳ	MÀ HP	KHỐI KIẾN THỨC - HỌC PHẦN	Tổng số TC	Học kỳ I				Học kỳ II				Học kỳ III				Học kỳ IV				Học kỳ V				Học kỳ VI				Học kỳ VII				Học kỳ VIII				Ghi chú
					Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư	
1		M1	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG	31																																	
			<i>Các học phần bắt buộc</i>	22																																	
1	1	POL2009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	32	8	5																													
2	2	POL2010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2					2	20	8	2																									
3	3	POL2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									2	20	8	2																					
4	4	POL2003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2													2	20	8	2																	
5	5	INF2001	Tin học cơ bản	2									2	5	15	10						2	20	8	2												
6	1	CFI2001	Tiếng Anh 1	4	4	16	40	4																													
7	2	CFI2002	Tiếng Anh 2	3					3	22	20	3																									
8	1	PPE2010	Giáo dục thể chất 1			3	25	2																													
9	2	PPE2011	Giáo dục thể chất 2							5	36	3																									
10	1	GDP2007	Giáo dục quốc phòng																																		
11	2	POL2007	Pháp luật Đại cương	2					2	20	8	2																									
12		M2	KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN CHUNG CỦA NHÓM NGÀNH	13																																	
			<i>Các học phần bắt buộc</i>	9																																	
13	5	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2													2	20	8	2																	
14	7	MUS2002	Mỹ học (SP Âm nhạc)	2																										2	20	8	2				
15	7	MUS2003	Nghệ thuật học đại cương	2																										2	20	8	2				
16	3	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3									3	30	12	3																					
17	5	PPE2003	QLHC Nhà nước và Quản lý ngành GD&ĐT	2																																	
18	1	CFI2008	Tiếng Việt thực hành	2	2	10	18	2														2	20	8	2												
19		CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới	2																																	
20		MUS2034	Lịch sử nghệ thuật	2																																	
21	3	MUS2060	Lịch sử Âm nhạc thế giới 1	2									2	10	18	2																					
22	5	MUS2061	Lịch sử Âm nhạc thế giới 2	2													2	10	18	2																	
23	5	INF2002	Ứng dụng tin học trong GDMN	2																		2	2	26	2												
24	3	CFI2005	Tiếng Anh CN Âm nhạc, MN, TN, Piano	2									2	5	20	5						2	20	22	3												
25	6	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam	3																		3	20	22	3												
26	1	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1	3	3	20	22	3																													
27	2	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2	2					2	10	18	2																									
28	2	VMU2001	Dẫn ca	2					2	5	23	2																									
29	7	MUS2012	Sáng tác	2																										2	5	23	2				
30		MUS2015	<i>Các học phần tự chọn</i>	6/14																																	
31		CLM2016	Văn hóa dân gian Việt Nam	2																																	
32		PPE2016	Con người và môi trường	2																																	
33	5	PPE2012	Sinh lý học trẻ em	2																		2	20	8	2												
34	6	PPE2013	Đánh giá trẻ em	2																																	
35	7	PPE2014	Vệ sinh trẻ em	2																																	
36		M4	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	40																																	
			<i>Các học phần bắt buộc</i>	36																																	
36	1	MUS2017	Kỹ thuật âm 1	2	2	3	25	2																													
37	2	MUS2018	Kỹ thuật âm 2	2					2	3	25	2																									
38	3	MUS2019	Kỹ thuật âm 3	2									2	3	25	2																					
39		MUS2020	Kỹ thuật âm 4	2													2	3	25	2																	
40	5	BFA2039	Hướng dẫn chuẩn bị đồ chơi, đồ dùng dạy học trung GDMN	2																		2	2	26	2												
41	4	BFA2038	Hướng dẫn TMTT HD ở trường MN	2													2	2	26	2																	
42	3	MUS2062	Họa thanh 1	2									2	10	18	2																					
43	4	MUS2074	Phân tích tác phẩm 1	2													2	10	18	2																	
44	7	BFA2037	Phương pháp tổ chức tạo hình cho trẻ em	2																																	
45	6	PPE2020	Dinh dưỡng trẻ em	2																																	
46	5	PPE2017	Văn học Dân gian	2																		2	20	8	2												
47	7	MUS2066	Dẫn dụng chương trình âm nhạc tổng hợp 1	2																																	
48	8	MUS2067	Dẫn dụng chương trình âm nhạc tổng hợp 2	2																																	
49	1	VMU2002*	Thanh nhạc 1 (SPAN)	1																																	
50	2	*VMU2002*	Thanh nhạc 1 (SPAN)	1																																	
51	3	VMU2003*	Thanh nhạc 2 (SPAN)	1																																	
52	4	*VMU2003*	Thanh nhạc 2 (SPAN)	1																																	
53	5	VMU2018*	Thanh nhạc 3 SP	1																																	
54	6	*VMU2018*	Thanh nhạc 3 SP	1																																	
55	1	VMU2001*	Nhạc cụ 1	1																																	
56	2	*VMU2001*	Nhạc cụ 1	1																																	
57	3	VMU2002*	Nhạc cụ 2	1																																	
58	4	*VMU2002*	Nhạc cụ 2	1																																	
59	5	VMU2013*	Nhạc cụ 3	1																																	
60	6	*VMU2013*	Nhạc cụ 3	1																																	
61	6	PPE2015	Tâm bệnh học	2																																	

		Mã HP	KHỐI KIẾN THỨC - HỌC PHẦN	Tổng số TC	Học kỳ I				Học kỳ II				Học kỳ III				Học kỳ IV				Học kỳ V				Học kỳ VI				Học kỳ VII				Học kỳ VIII				Tài liệu
STT	Tên LP				Sđ	Lý	Thao	Tư	Sđ	Lý	Thao	Tư	Sđ	Lý	Thao	Tư	Sđ	Lý	Thao	Tư	Sđ	Lý	Thao	Tư	Sđ	Lý	Thao	Tư	Sđ	Lý	Thao	Tư	Sđ	Lý	Thao	Tư	
					TC	thuyết	hành	hoc	TC	thuyết	hành	hoc	TC	thuyết	hành	hoc	TC	thuyết	hành	hoc	TC	thuyết	hành	hoc	TC	thuyết	hành	hoc	TC	thuyết	hành	hoc	TC	thuyết	hành	hoc	
		M1	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG	24																																	
			Các học phần bắt buộc	24																																	
1	1	POL2009	Triết học Mac-Lenin	3	3	32	8	5																													
1	1	POL2010	Kinh tế chính trị Mac-Lenin	2																																	
2	3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2					2	20	8	2																									
3	4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									2	20	8	2																					
4	5	POL2012	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2													2	20	8	2																	
5	6	INF2001	Tin học cơ bản	2																	2	5	15	10													
6	1	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	4	16	40	4																													
7	2	CFL2002	Tiếng Anh 2	3					3	22	20	3																									
8	4	CFL2010	Tiếng Anh chuyên ngành (ĐVK)	2									2	5	20	5																					
9	1	PPE2010	Giáo dục thể chất 1					2																													
10	2	PPE2011	Giáo dục thể chất 2								3																										
11	1	GDOF	Giáo dục quốc phòng				1																														
12	3	POL2007	Pháp luật đại cương	2							2	20	8	2																							
12		PPE2007	Tâm lý học đại cương	2																																	
12		M2	KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN CHUNG CỦA NHÓM NGÀNH	9																																	
12			Các học phần bắt buộc	7																																	
13	2	CLM2006	Mỹ học	2					2	20	8	2																									
14	3	CLM2001	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3									3	30	12	3						</															

Người lập biểu

Khoa Văn hóa Nghệ thuật

Phòng Đào tạo

Nguyễn Minh Hạnh

Nguyễn Đăng Nghị

Nguyễn Văn Đình

PGS.TS. Đào Đăng Phương

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2019

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA NGHỆ THUẬT
TRUNG ƯƠNG

[illegible]

Người lập biểu

Khoa Thiết kế Đồ họa

Phòng Đào tạo

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2019
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NGHỆ THUẬT
TRUNG ƯƠNG

PGS.TS. Đào Đăng Phương

Nguyễn Minh Hạnh

Phạm Hùng Cường

Nguyễn Văn Định

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2019

HIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NGHỆ THUẬT
THUNG DŨNG

PGS.TS Đào Đăng Phụng

PGS.TS Đào Đăng Phương

PGS.TS. Đào Đăng Phương

TRƯỜNG
HỌC SƯ PHẠM
NGHỆ THUẬT
TRUNG ƯƠNG

		Mã HP	KHỐI KIẾN THỨC - HỌC PHẦN	Tổng số TC	Học kỳ I				Học kỳ II				Học kỳ III				Học kỳ IV				Học kỳ V				Học kỳ VI				Học kỳ VII				Học kỳ VIII				Ghi chú
T	Học KS				Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tư học	
1		M1	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG	22																																	
			Các học phần bắt buộc	22																																	
1	1	POL2009	Triết học Mác - Lênin	1	3	32	8	5																													
2	2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2					2	20	8	2																									
3	3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2											2	20	8	2																			
4	4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2																																	
5	5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2																																	
6	6	INF2001	Tin học cơ bản	2											2	5	15	10																			
7	7	CFI2001	Tiếng Anh 1	4	4	16	40	4																													
8	8	CFI2002	Tiếng Anh 2	3					3	22	20	3																									
9	9	CFI2005	Tiếng Anh CN Âm nhạc, MN, TN, Piano	2											2	5	20	5																			
10	10	PPE2010	Giáo dục thể chất 1					2																													
11	11	PPE2011	Giáo dục thể chất 2									3																									
12	12	GDQP	Giáo dục quốc phòng												2	20	8	2																			
13	13	POL2007	Pháp luật Đại cương	2																																	
		M2	KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN CHUNG CỦA NHÓM NGÀNH	11																																	
			Các học phần bắt buộc	9																																	
14	5	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2																																	
15	7	MUS2002	Mỹ học (SP Âm nhạc)	2																																	
16	3	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3											3	30	12	3																			
17	5	CLM2010	Đường lối VHYVN của ĐCS Việt Nam	2																																	
			Các học phần tự chọn	2/8																																	
18	7	MUS2003	Nghệ thuật học đại cương	2																																	
19		CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới	2																																	
20		PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật	2																																	
		M3	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	30																																	
			Các học phần bắt buộc	23																																	
21	3	MUS2060	Lịch sử Âm nhạc thế giới 1	2											2	10	18	2																			
22	4	MUS2061	Lịch sử Âm nhạc thế giới 2	2																																	
23	5	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam	3																																	
24	4	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1	2																																	
25	5	MUS2025	Phân tích tác phẩm 2	2																																	
26	3	MUS2062	Hoà thanh 1	2											2	10	18	2																			
27	1	MUS2017	Kỹ xướng âm 1	2	2	3	25	2																													
28	2	MUS2018	Kỹ xướng âm 2	2																																	
29	3	MUS2019	Kỹ xướng âm 3	2											2	3	25	2																			
30	5	MUS2015	Nhập môn phức điệu	2																																	
31	1	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ	2	2	5	15	10																													
			Các học phần tự chọn	7/11																																	
32	1	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1	3	3	20	22	3																													
33	2	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2	2											2	10	18	2																			
34	6	PIA2001	Lịch sử nghệ thuật Piano	2																																	
35		PPE2002	Giáo dục học	4																																	

PGS.TS. Đào Đăng Phương

